TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 24- 3- 2021
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc
Ông Nguyễn Văn Hà

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-DS ngày 5 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2021/QĐST- DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1957

Trú tại: 68 tổ 4 khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Hữu N - sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Phương T - sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: 493 tổ 7 khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn X- sinh năm: 1957; Trú tại: 68 tổ 4 khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do mối quan hệ thân quen, vào tháng 3 năm 2018, bà Nguyễn Thị H đã cho bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N vay số tiền là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 01 năm; mục đích: Mua bán lúa; lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3.000.000/tháng. Về hình thức vay hai bên có lập giấy tay, có chữ ký xác nhận của ông N và bà T.

Tuy nhiên, bà T và ông N không thực hiện đúng như hợp đồng, cụ thể: không trả lãi và gốc theo như thỏa thuận. Sau đó, bà H tạo điều cho vợ chồng bà T trả nợ bằng việc, không yêu cầu lãi suất, gốc thì mỗi tháng trả dần 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) nhưng bà T chỉ trả được 2 tháng với số tiền 6.000.000đồng thì không thanh toán nữa.

Nay, bà H xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà T. Lý do, vợ chồng bà T cùng mượn tiền của bà, cùng ký tên và khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhằm phục vụ kinh doanh thu lợi cho gia đình nên đề nghị Tòa án buộc bà T và ông N cùng có N vụ trả cho bà số nợ 194.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Về lãi suất phát sinh, bà H không có yêu cầu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản có ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn X trình bày: Ông X có quan hệ là chồng của bà Nguyễn Thị H. Tài sản bà H cho bà T và ông N vay là tài sản chung của vợ chồng. Nay, ông X đồng ý theo yêu cầu của bà H, đề nghị vợ chồng bà T phải trả số nợ còn lại cho bà H là 194.000.000đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu đồng).

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn và người liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn giao thông báo thụ lý cho bị đơn, cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng như theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N để yêu cầu thanh toán tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N có nơi cư trú tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về yêu cầu xem xét nghĩa vụ trả tiền nợ gốc*:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N thanh toán số tiền vay gốc chưa thanh toán là 194.000.000đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H đã cung cấp cho Tòa giấy tay có chứa đựng nội dung vợ chồng bà T xác nhận có vay số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) do làm ăn thua lỗ nên hứa mỗi tháng trả 3.000.000đồng, khi nào bán đất trả tiếp, bên dưới có ký và ghi họ tên "Nguyễn Hữu N ", "Nguyễn Thị Phương T "; phía sau mặt giấy học sinh có thể hiện 2 lần trả tiền vào các ngày 3-12-2019 và 03-01-2020, mỗi lần trả 3.000.000đồng (BL: 01).

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì "*Đương sự có N vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu 3 thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án cũng như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bà H . Tuy nhiên, vợ chồng bà T không tới Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà H . Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, có đủ căn cứ xác định bà H cho bà T và ông N vay số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) và vợ chồng bà T chỉ trả được 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), còn nợ lại 194.000.000.000đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu đồng) là có thật. Căn cứ Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà T và ông N có nghĩa vụ phải trả cho bà H số tiền nợ còn lại chưa thanh toán này.

[2.2] *Về lãi suất phát sinh*: Bà H không có yêu cầu nên không xem xét

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu tiền án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 194.000.000đồng x 5% = 9.700.000đồng (Chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Phương T, ông Nguyễn Hữu N về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 194.000.000đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.700.000đồng (Chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền